

Xuất khẩu sầu riêng tăng mạnh trong 4 tháng đầu năm

+ Tháng 5/2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 300 triệu USD, giảm 8,3% so với tháng 4/2022 và giảm 11% so với tháng 5/2021.

+ Kim ngạch xuất khẩu trái thanh long tiếp tục giảm do xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh.

+ Xuất khẩu sầu riêng đạt tốc độ tăng trưởng ở mức cao 147,4% trong 4 tháng đầu năm 2022.

Các biện pháp kiểm soát mạnh của chính quyền Trung Quốc nhằm ngăn ngừa dịch Covid-19 đã cho thấy những ảnh hưởng rõ rệt đến hoạt động tiêu dùng, sản xuất và thị trường lao động nước này. Hiện nhiều doanh nghiệp tại Trung Quốc đang dần nối lại hoạt động và phục hồi sản xuất, tuy nhiên với xu hướng gia tăng của số ca nhiễm Covid-19 trong thời gian gần đây, có khả năng Trung Quốc sẽ tiếp tục siết chặt các biện pháp hạn chế nhằm ngăn ngừa dịch bệnh, nhất là khi chính quyền Trung Quốc vẫn đang nỗ lực duy trì chính sách “Zero Covid”.

Việc Trung Quốc theo đuổi chính sách “Zezo Covid” đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2022. Trong bối cảnh dịch Covid diễn biến phức tạp tại Trung Quốc, thì việc kiểm soát bao bì, hàng hóa và thành container vẫn là một thủ tục đòi hỏi cao. Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn vì ngay cả khi mặt hàng vận chuyển bằng đường biển vẫn phải xét nghiệm vi rút SAR-CoV. Việc tăng phí vận chuyển, cũng như việc chậm trễ nhiều ngày có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Do đó, triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam khả quan hay không sẽ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng kiểm soát dịch Covid-19 tại Trung Quốc. Bởi tỷ trọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm tới 53,34% tổng kim ngạch.

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 300 triệu USD, giảm 8,3% so với tháng 4/2022 và giảm 11% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 1,47 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả về Việt Nam tháng 5/2022 ước đạt 190 triệu USD, tăng 27,5% so với tháng 4/2022 và tăng 61,8% so với tháng 5/2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả về Việt Nam ước đạt 741 triệu USD, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Như vậy, trong 5 tháng đầu năm 2022, ngành rau quả của Việt Nam xuất siêu khoảng 732 triệu USD, thấp hơn so với mức thặng dư 1,25 tỷ USD cùng kỳ năm 2021.

Để giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực từ tình trạng đóng và mở tại các cửa khẩu với Trung Quốc, ngành hàng rau quả của Việt Nam đã chuyển sang hình thức xuất khẩu chính ngạch. Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu rau quả của nước này từ Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt xấp xỉ 780 triệu USD, tăng 47,3% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần mặt hàng rau, củ, quả và sản phẩm đã qua chế biến của Việt Nam chiếm 11,31% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, cao hơn nhiều so với 8,62% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Trong đó, Việt Nam là nguồn cung trái thanh long duy nhất cho Trung Quốc trong tháng 4/2022, lượng nhập khẩu đạt 89.772 tấn, trị giá 78,13 triệu USD, tăng 13,4% về lượng và tăng 12,6% về trị giá so với tháng 3/2022, so với tháng 4/2021 tăng 52% về lượng và tăng 29,4% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu thanh long từ Việt Nam đạt 330.530 tấn, trị giá 296,77 triệu USD, tăng 36,2% về lượng và tăng 34,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Về cơ cấu chủng loại:

4 tháng đầu năm 2022, ngành hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu chủ yếu các chủng loại trái cây, rau củ gồm: Thanh long, chuối, xoài, mít, dứa, sầu riêng, chanh leo, chanh, dưa hấu, ớt, khoai lang, cà rốt. Trong đó:

Thanh long là mặt hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất, tỷ trọng chiếm 26,5% tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành trong 4 tháng đầu năm 2022. Do đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này giảm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng chung của toàn ngành.

Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, kim ngạch xuất khẩu thanh long các loại (gồm dạng tươi, đông lạnh, sấy khô, nước ép) đạt xấp xỉ 80,2 triệu USD, giảm 4,6% so với tháng 3/2022 và giảm 36,2% so với tháng 4/2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thanh long tươi ruột trắng đạt xấp xỉ 41,7 triệu USD, tăng 3,7% so với tháng 3/2022, nhưng giảm mạnh 54,5% so với tháng 4/2021. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu thanh long tươi ruột đỏ giảm 15,1% so với tháng 3/2022, nhưng tăng 7,7% so với tháng 4/2021, đạt 35,62 triệu USD.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu thanh long đông lạnh tháng 4/2022 tăng 75,4% so với tháng 3/2022 và tăng 247,4% so với tháng 4/2021, đạt 2,24 triệu USD.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thanh long các loại (gồm dạng tươi, đông lạnh, sấy khô, nước ép) đạt xấp xỉ 311,12 triệu USD, giảm 31,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thanh long tươi ruột trắng giảm mạnh 49,4%, đạt 171,71 triệu USD. Tỷ trọng xuất khẩu trái thanh long tươi ruột trắng chiếm tới 55,2% tổng kim ngạch trái thanh long. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu các chủng loại thanh long khác tăng mạnh, gồm: thanh long đông lạnh (tăng 155,4%); nước ép thanh long (tăng 131,3%); thanh long sấy (tăng 212,6%). Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu các chủng loại thanh long trên ở mức thấp, chưa tác động nhiều đến tổng kim ngạch xuất khẩu chung toàn ngành. Mặc dù vậy, đây được coi là tín hiệu tích cực trong việc đa dạng hóa chủng loại thanh long xuất khẩu, trong bối cảnh xuất khẩu trái thanh long tươi ruột trắng giảm mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu sầu riêng tăng mạnh

Trong bối cảnh xuất khẩu hầu hết các chủng loại trái cây, rau củ của Việt Nam giảm trong tháng 4/2022 so với tháng 3/2022 và so với tháng 4/2021 thì xuất khẩu trái sầu riêng tăng mạnh, trở thành điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu rau quả.

Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng các loại tháng 4/2022 đạt 9,87 triệu USD, tăng 145,4% so với tháng 3/2022 và tăng 25% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng các loại đạt 28,79 triệu USD, tăng 151,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng đông lạnh tăng 325,9%, đạt 16 triệu USD; sầu riêng tươi tăng 60,1%, đạt 12,26 triệu USD; sầu riêng sấy tăng 7.236,8%, đạt 524 nghìn USD.

Thị trường xuất khẩu chủ lực sầu riêng của Việt Nam gồm: Thái Lan, Hồng Kông, Mỹ, Đài Loan, Trung Quốc, Campuchia. Trong đó, tốc độ xuất khẩu sầu riêng sang Thái Lan tăng 996,3%, đạt 7,24 triệu USD; Hồng Kông tăng 9,2%, đạt 6,13 triệu USD; Mỹ tăng 259,9%, đạt 6,08 triệu USD; thị trường Đài Loan tăng 44,5%, đạt 2,46 triệu USD.

Chủng loại mặt hàng rau, hoa, củ, quả và sản phẩm đã qua chế biến xuất khẩu trong tháng 4 và 4 tháng năm 2022

Chủng loại	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Quả và quả hạch	212.752	-11,4	-28,5	806.408	-19,2
Thanh long	79.304	-4,8	-36,4	307.489	-31,9
Chuối	47.322	-29,6	-0,4	184.909	46,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành “**Tổng hợp và Dự báo**”

Chủng loại	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Xoài	16.989	-12,6	-64,4	65.183	-60,0
Mít	20.510	-9,2	-17,3	64.996	-15,2
Dừa	11.461	-5,9	10,0	38.950	-9,7
Sầu riêng	9.870	158,6	25,1	28.247	147,4
Chanh leo	5.844	-29,2	43,5	24.889	74,4
Chanh	6.406	-1,1	10,7	22.301	29,7
Dừa hấu	3.682	0,9	-66,8	17.381	-61,2
óc chó	1.626	-36,9	-44,5	10.215	-3,1
Hạnh nhân	2.577	35,3	83,7	8.904	128,9
Macadamia	1.558	-26,7	-57,6	7.529	-3,4
Bưởi	1.369	-32,8	71,8	6.627	210,6
Hạt dẻ cười	294	-78,5	-64,4	4.811	35,0
Nhãn	841	82,9	30,1	2.324	-67,8
Dừa	398	25,1	-1,9	1.672	36,4
ổi	440	23,3	-55,2	1.366	-54,7
Vú sữa	7	-81,0	-68,8	1.217	-17,8
Cau	478	85,7	180,2	924	13,4
Chôm chôm	292	31,1	-31,7	799	-71,0
Hạt thông	100	-63,5		652	
Sung	548			548	9.918,8
Phật thủ	95			377	1.096,4
Đu đủ	64	-17,2	-46,2	327	34,6
Vải	127	19,7	52,2	325	126,0
Sản phẩm chế biến	83.199	4,8	5,3	283.397	7,3
Dừa	8.123	-26,3	-23,1	39.658	-3,5
Chanh leo	13.935	115,1	178,1	28.097	80,8
Trái cây	5.134	-24,5	-38,5	23.069	-12,1
Dừa	5.199	9,6	-15,3	20.130	22,2
Hạnh nhân	5.001	16,9	85,2	16.495	10,9
Hạt mè	4.253	-9,4	93,1	15.557	47,9
Xoài	4.539	12,3	-39,5	13.988	-21,2
Hạt dẻ cười	1.818	-38,3	16,2	12.480	28,8
ớt	2.609	-27,9	-54,5	7.032	-46,9
Cà tím	1.787	8,5	-7,2	5.749	12,1
Dừa chuột	1.461	27,9	-48,2	5.624	-25,5
Khoai lang	1.816	18,7	129,0	5.121	42,0
Mít	2.169	129,5	-7,4	4.964	-38,3
Ngô	1.077	-11,3	-0,9	4.757	22,2
Mãng cầu	1.327	-5,9	54,1	4.368	39,5
Nghệ	951	-54,3	-59,0	3.972	-33,9
Nước lặc tiên	2.042	573,3	229,7	3.650	41,2
Thanh long	875	15,7	15,3	3.520	39,0
Tắc	842	-28,9	10,4	3.466	88,0
Gừng	1.266	25,4	35,5	3.242	1,0
Đậu sốt cà chua	748	28,3	39,2	2.821	50,0
Khoai tây	1.814	309,8	156,7	2.785	13,3
Dừa môn	14	-99,2	34,4	2.675	7.302,3
Mứt	759	25,7	14,9	2.550	7,2
Rau củ	587	-8,7	-12,1	2.287	-10,2
Macadamia	541	-51,9	78,4	2.200	258,3
Dừa hấu	748	3,1	61,3	2.142	37,8
ổi	626	17,4	17,6	2.116	38,5
Vải	394	-38,6	209,2	2.045	150,0
Thạch	642	5,7	11,3	2.000	-22,3
Nhãn	134	-89,2	24.154,4	1.915	2.000,7

Chủng loại	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 3/2022 (%)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Rau củ	25.593	11,2	-2,6	79.006	-22,1
ớt	9.589	48,2	16,0	22.624	-26,5
Khoai lang	2.799	-13,0	-27,9	10.324	-22,7
Cà rốt	1.171	-60,9	-48,5	8.164	-42,8
Ngô	1.596	-12,5	6,9	6.287	7,7
Nấm hương	799	73,6	-11,5	3.228	5,6
Đỗ đỏ	1.330	31,6	271,8	2.844	419,3
Đậu bắp	852	-13,8	52,8	2.751	44,3
Hành tây	21	-92,3	7,3	1.391	62,8
Đỗ xanh	1.044	818,5	433,7	1.381	304,7
Măng	364	25,6	-40,3	1.154	-27,5
Tỏi	410	95,9	-55,3	1.120	-78,3
Đậu nành	327	-19,7	35,5	1.074	56,5
Khoai môn	430	53,2	5,5	1.068	-31,3
Mộc nhĩ	252	-11,3	-8,1	1.040	-11,6
Súp lơ	727	222,3	-12,1	1.024	1,1
Hoa	5.177	-9,7	1,6	22.058	8,7
Hoa cúc	4.074	-14,3	3,5	18.115	10,3
Hoa lan hồ điệp	489	17,5	26,4	1.856	26,6
Hoa cẩm chướng	204	29,8	-35,0	610	-25,7
Hoa cát tường	187	15,2	-27,2	565	-24,0
Lá	975	23,8	31,2	2.927	0,3
Lá sắn	185	26,3	-20,2	610	-5,9
Lá chuối	131	-13,0	122,1	459	118,4
Lá tre	159	44,6	65,1	319	-30,1

(Nguồn: Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Một số doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam đạt trị giá cao trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

TÊN DOANH NGHIỆP	THÁNG 4/2022 (NGHÌN USD)	4 THÁNG 2022 (NGHÌN USD)
CHI NHÁNH CTY TNHH OLAM VIỆT NAM TẠI KCN BIỂN HÒA II	11.578	50.772
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI XNK VAN GIA	10.640	34.225
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VẠN XUÂN	7.891	25.914
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU YUELAIMEI	7.113	20.768
CTY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM OLAM VIỆT NAM	3.607	19.616
CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GIANG NAM	3.947	17.944
CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DCT	4.290	17.776
CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SONG ĐẠT	5.257	17.367
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI TTH	3.374	16.351
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI QUỐC GIA	5.154	16.051
CTY TNHH Y.K. VINA	4.273	15.542
CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE	3.057	14.853
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NQ	2.767	13.615
CTY TNHH EXPORT H&T	2.619	13.228
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÀNG ĐỨC PHONG	2.433	12.982
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ANT FARM	2.677	12.686
CTY TNHH KING BANANAS	2.183	12.441
CTY TNHH TOP GREEN FRUIT	1.303	12.216
CTY TNHH DALAT HASFARM	2.590	11.787
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY ANH	3.115	10.707
CTY TNHH TM DV ĐẠI BÌNH AN	565	10.466
CTY TNHH THƯƠNG MẠI HẢI NGUYỄN PHONG	2.947	10.188

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ để tham khảo)

**Cập nhật một số lô hàng rau hoa quả và sản phẩm chế biến xuất khẩu
tuần từ ngày 17 đến 24/5/2022**

Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD/tấn)	Thị trường	Cảng, ck	Đk giao
Nhóm quả và quả hạch						
Quả bơ tươi	kg	2.000	0,31	Lào	Lao Bảo	DAF
Đu đủ xanh cắt sợi đông lạnh	kg	9.000	2,50	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Bưởi tươi loại 1	kg	2.025	1,50	Hà Lan	Cái Mép	DAP
Cơm sầu riêng	kg	144	24,00	Pháp	KV HCM	C&F
Chôm chôm	kg	50	13,00	Hà Lan	KV HCM	CPT
Chanh dây FT	kg	764	11,10	Pháp	KV HCM	C&F
Chanh tươi không hạt loại 1	kg	13.566	2,30	Hà Lan	Cát Lái	DAP
Chuối tươi	kg	60.318	0,55	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Dừa hấu cắt khúc đông lạnh	kg	1.000	1,90	Hàn Quốc	Cát Lái	FOB
Dừa cắt hạt lựu đông lạnh	kg	5.400	3,47	Australia	CK quốc tế SP-ITC	C&F
Dừa cắt lát, cốm que đông lạnh	kg	2.250	3,21	Nga	Cát Lái	FOB
Mãng cầu đông lạnh	kg	850	4,12	Bỉ	Cát Lái	CFR
Mận đỏ	kg	240	2,50	Canada	KV HCM	FCA
Quả mít tươi	kg	21.939	0,80	Trung Quốc	Đình Vũ	CFR
Quả na	kg	50	13,00	Na Uy	KV HCM	CPT
Quả Thanh long tươi ruột đỏ giống H14	kg	1.800	12,70	Mỹ	KV HCM	C&F
Quả Thanh Long tươi ruột trắng giống H14	kg	450	12,00	Mỹ	KV HCM	C&F
Quả vải tươi	kg	19.800	1,20	Trung Quốc	Tân Cảng	C&F
Quả vải tươi	kg	2.300	10,05	Nhật Bản	Hà Nội	C&F
Quả xoài úc	kg	338	11,50	UAE	KV HCM	CIF
Nhóm rau củ						
Đậu đũa tươi	kg	150	11,92	Thụy Sĩ	KV HCM	C&F
Đậu bắp cắt lát đông lạnh	kg	12.672	2,60	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Đậu Hà Lan Ngọt tươi	kg	12.496	1,55	Đài Loan	Cảng Xanh	C&F
Bắp cải tươi	kg	18.900	0,26	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Bắp luộc đông lạnh	kg	16.000	1,38	Canada	Phước Long	FOB
Cải bẹ xanh	kg	50	14,00	Na Uy	KV HCM	C&F
Cải rổ tươi	kg	110	6,55	Thụy Sĩ	KV HCM	CIF
Cải Thảo	kg	18.480	0,31	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Củ riềng	kg	252	10,48	Nga	KV HCM	C&F
Hành khô	kg	22.020	0,40	Đài Loan	Tân Vũ	C&F
Ngò gai	kg	330	2,00	Canada	KV HCM	FCA
Súp lơ xanh tươi	kg	9.856	1,20	Đài Loan	Cảng Xanh	C&F
Nhóm sản phẩm đã qua chế biến						
Đậu bắp sấy giòn (B)	kg	546	9,40	Mỹ	Đồng Nai	C&F
Đậu cove sấy giòn (B)	kg	366	10,70	Mỹ	Đồng Nai	C&F
Cơm dừa nạo sấy	kg	25.000	2,25	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Cà rốt sấy giòn (B)	kg	684	7,40	Mỹ	Đồng Nai	C&F
Chanh leo sấy dẻo	kg	1.040	3,97	Nga	Cát Lái	CFR
Chuối sấy khô nguyên trái	kg	15.030	2,28	Nga	Cát Lái	FOB
Nước ép tắc đông lạnh	kg	22.680	0,80	Đài Loan	Cát Lái	CFR

-----000-----

Bản tin Thông tin thương mại chuyên ngành: **Tổng hợp và Dự báo**

Số giấy phép xuất bản: 45/GP-XBBT do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

In tại: Hà Nội

Kỳ hạn xuất bản: Hàng tuần

Chịu trách nhiệm xuất bản: Lê Mai Thanh